TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:08 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn
2. Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐ – HPT ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thân Văn D – Sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – anh Thân Văn D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Thân Văn D kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 08/5/2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N,

huyện V. Sau khi tổ chức cưới, chị T về làm dâu gia đình nhà anh D ngay và vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh D, không có thời gian nào ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hiếm muộn con. Tháng 3/2013 chị T đã tự ý bỏ nhà đi biệt tích. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị T bỏ nhà đi thì anh D và gia đình đã tìm kiếm bằng nhiều cách nhưng không có kết quả. Tháng 3/2017 anh D làm đơn đề nghị tuyên bố mất tích đối với chị T và tháng 9/2017, Tòa án nhân dân huyện V đã ra quyết định tuyên bố chị T mất tích. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh D xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T hiện không rõ địa chỉ, đã bị Tòa án nhân dân huyện V tuyên bố mất tích bằng quyết định số 08/2017/QĐDS – ST ngày 26/9/2017 .

Xác minh tại địa phương được biết: Anh Thân Văn D và chị Nguyễn Thị T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2009. Hiện chị T đã bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay, địa phương và gia đình không biết chị T đi đâu và làm gì. Nay anh D có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án:

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng:

-Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Thân Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc khởi kiện của anh Thân Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ vợ chồng: Anh Thân Văn D và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2009 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Anh D cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc ngày 08/5/2009. Như vậy, hôn nhân của anh D và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, không ai biết chị T ở đâu và làm gì. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2013 cho đến nay không có tin tức gì cho anh D và gia đình.Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Điều đó có thể thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh D xin ly hôn chị T là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh D xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, anh D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Thân Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về án phí: Anh Thân Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04780 ngày 21/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên